Chi tiết mã HS 9401.39.00

Mã HS	9401.39.00
Mô tả hàng hóa	Ghế ngồi (trừ các loại thuộc nhóm 94.02), có hoặc không chuyển được thành giường, và bộ phận của chúng / - Ghế quay có điều chỉnh độ cao: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 03:51:40
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/94013900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18500
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	73/2025/NĐ-CP	2025-03-31	BT2026!N18500
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18500
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AC!E17804
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17733
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17733
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17733
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17733
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17733
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17733
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E17789
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17789
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17789

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17789
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17789
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17789
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E17790
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F17790
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17790
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17790
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17790
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17790
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17795
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17752
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F17747
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G17747
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H17747
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I17747
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J17747
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K17747
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17793
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17793
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17793
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17793
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17793
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17793
VCFTA	2022	2022	6	VC!D17855
VCFTA	2023	2023	3	VC!E17855
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17855

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17855
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17855
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17855
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17833
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17833
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17833
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17833
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17833
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17833
AHKFTA	2022	2022	25	AKH!D17826
AHKFTA	2023	2023	25	AKH!E17826
AHKFTA	2024	2024	25	AKH!F17826
AHKFTA	2025	2025	25	AKH!G17826
AHKFTA	2026	2026	25	AKH!H17826
AHKFTA	2027	2027	25	AKH!I17826
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D17856
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17856
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17856
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17856
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17856
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17856
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D17855
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17855
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17855
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17855
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17855

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17855
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17949
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17949
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17949
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17949
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17949
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17949
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17949
RCEP A	2022	2022	25	RCEPT-A!D17818
RCEP A	2023	2023	25	RCEPT-A!E17818
RCEP A	2024	2024	25	RCEPT-A!F17818
RCEP A	2025	2025	25	RCEPT-A!G17818
RCEP A	2026	2026	25	RCEPT-A!H17818
RCEP A	2027	2027	25	RCEPT-A!I17818
RCEP B	2022	2022	25	B!D17818
RCEP B	2023	2023	25	B!E17818
RCEP B	2024	2024	25	B!F17818
RCEP B	2025	2025	25	B!G17818
RCEP B	2026	2026	25	B!H17818
RCEP B	2027	2027	25	B!I17818
RCEP C	2022	2022	25	C!D17816
RCEP C	2023	2023	25	C!E17816
RCEP C	2024	2024	25	C!F17816
RCEP C	2025	2025	25	C!G17816
RCEP C	2026	2026	25	C!H17816
RCEP C	2027	2027	25	C!I17816

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	25	D!D17815
RCEP D	2023	2023	25	D!E17815
RCEP D	2024	2024	25	D!F17815
RCEP D	2025	2025	25	D!G17815
RCEP D	2026	2026	25	D!H17815
RCEP D	2027	2027	25	D!I17815
RCEP E	2022	2022	25	E!D17819
RCEP E	2023	2023	25	E!E17819
RCEP E	2024	2024	25	E!F17819
RCEP E	2025	2025	25	E!G17819
RCEP E	2026	2026	25	E!H17819
RCEP E	2027	2027	25	E!I17819
RCEP F	2022	2022	25	F!D17818
RCEP F	2023	2023	25	F!E17818
RCEP F	2024	2024	25	F!F17818
RCEP F	2025	2025	25	F!G17818
RCEP F	2026	2026	25	F!H17818
RCEP F	2027	2027	25	F!I17818
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F16697
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G16697
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H16697
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I16697

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 25%, RCEP (Phụ lục A) 25%, RCEP (Phụ lục B) 25%, RCEP (Phụ lục C) 25%, RCEP (Phụ lục D) 25%, RCEP (Phụ lục E) 25%, RCEP (Phụ lục F) 25%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (25%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 25%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9401.39.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9401.39.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-003	YELLOW	Có biện pháp PVTM với xuất xứ khác	Chống bán phá giá: Bàn, ghế – áp dụng cho CN (235/QĐ-BCT). Xuất xứ đã chọn không nằm trong danh sách nhưng cần lưu ý rủi ro lẩn tránh.	TR-01 · Áp thuế chống bán phá giá đối với Bàn, ghế (CN)	235/QĐ-BCT	Lưu giữ hồ sơ chứng minh xuất xứ và nhà sản xuất thực tế.	Căn cứ: HT + cột chính sách mặt hàng BT2026 (nguồn); phạm vi chi tiết chưa xác minh
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9401.39.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18500), căn cứ 73/2025/NĐ-CP.		73/2025/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
Áp thuế CBPG Bàn, ghế (CN) (235/QĐ-BCT-2023)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.